

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2021
V/v “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim N, sinh năm: 1996,

Địa chỉ: ấp LT, xã LC, huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phan Văn B, sinh năm: 1996,

Địa chỉ: ấp 1, xã Bàu Đ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-01-2021, trong quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị Kim N trình bày:

Chị yêu cầu ly hôn với chồng tên Phan Văn B. Về con chung: có 01 con chung tên Phan Gia L, sinh ngày: 21-4-2018, hiện đang sống với anh B. Chị đồng ý giao cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vợ chồng sống chung từ ngày 07-7-2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung tại nhà của cha mẹ chồng. Từ năm 2019 vợ chồng có mâu thuẫn và ly thân từ tháng 11-2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do: Vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã với nhau, không được hạnh phúc.

Đối với bị đơn anh Phan Văn B, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú, anh Bình đã nhận các văn bản nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chưa thu thập được lời khai, ý kiến. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin đối với ông Phan Hữu Ph là cha của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ông Trần Anh Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong quá trình tham gia tố tụng là chưa thực hiện đầy đủ quy định với Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.** Chị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Kim N đối với anh Phan Văn B.

+ **Về con chung:** Giao anh Bình được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con chung tên: Phan Gia L, sinh ngày: 21-4-2018. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ **Về tài sản chung:** Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

+ **Về nợ chung:** Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh B chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã BĐ, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị N và anh B sống không hợp nhau, cãi vã và không quan tâm lẫn nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 11-2020 đến nay không hàn gắn được, không xây dựng được hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh B để tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh B vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai cho Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngọc là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy anh B hiện đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh B không có đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nay chị N đồng ý giao con chung cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, HĐXX xét thấy, hiện anh B đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, có đủ điều kiện nuôi con, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu L, cần giao cho anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị N có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đỗ Thị Kim N đối với anh Phan Văn B. Chị N được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) con chung tên: Phan Gia Linh, sinh ngày: 21-4-2018. Anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị N có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012737 ngày 20-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, **chị N** đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu

